TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2021.
V/v ly hôn giữa anh Đ và chị P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thể và bà Phạm Thị Kim Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 18-11-2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết Định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức Đ, sinh năm: 1989. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Mai P, sinh năm 1997. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

(Anh Đ và chị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18-11-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là anh Hoàng Đức Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức Đ và chị Đỗ Thị Mai P tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-5-2017. Vợ chồng anh Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa P và cùng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh Đ tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Vợ chồng có tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên

cãi chửi nhau. Anh chị bắt đầu sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 01-2021 đến nay. Khi đó, vì chị P đã chuyển hộ khẩu thường trú và chuyển luôn về nhà bố mẹ ở tại huyện T, thành phố Hà Nội sinh sống và không quay về nhà anh Đ nữa nên anh chị cũng cắt đứt liên lạc từ đó. Anh Đ xác định không còn tình cảm tình nghĩa vợ chồng gì với chị P, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đầu năm 2021 đến nay. Anh Đ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy anh Đ đề nghị xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- Về con chung, tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác liên quan: Vợ chồng anh không có và anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

* Trong bản tự khai của bị đơn, chị Đỗ Thị Mai P trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND xã L vào ngày 10-5-2017, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, mỗi người có nhiều mối quan tâm riêng mà không ai hiểu mà thông cảm cho ai nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 8-2018 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Chị xác định bản thân không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về con chung, tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có và chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đức Đ, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Hoàng Đức Đ và chị Đỗ Thị Mai P.

+ Về con chung, tài sản, công nợ và các nội dung khác: Anh Đ và chị P không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy chị Đỗ Thị Mai P là bị đơn trong vụ án hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội nhưng chị P đã có đơn lựa chọn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về việc anh Đ xin ly hôn chị P tại Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Đ thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc "Ly hôn" giữa anh Đ và chị P là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn".

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng và đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Đ và chị P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ và chị P.

[4]. Về quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị P: Xét thấy anh Đ và chị P kết hôn với nhau vào ngày 10-5-2017, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của anh Đ và chị P đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[5]. Về tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị P: Xét thấy sau khi kết hôn anh Đ và chị P sinh sống tại quê của anh Đ tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và đã có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên anh Đ và chị P thường xuyên cãi chửi nhau. Đến khoảng tháng 01-2021 thì chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đồng thời cũng chuyển nơi đăng ký hộ khẩu thường trú luôn về thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Kể từ đó cho đến nay, vợ chồng anh Đ, chị P sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ chồng của anh Đ và chị P đã trái với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy hôn nhân của anh Đ và chị P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy anh Đ xin ly hôn với chị P, phía chị P cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ. Xử ly hôn giữa anh Đ và chị P là phù hợp.

[6]. Về con chung: Xét thấy anh Đ và chị P không có và không đề nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh Đ và chị P đều xác định không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị P được quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa anh Hoàng Đức Đ và chị Đỗ Thị Mai P.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Đức Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Hoàng Đức Đ đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001379 ngày 18-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiển